

# Factor Markets

AP Microeconomics · Vocabulary

English	中文	Pinyin
⚙ factor market	要素市场	yào sù shì chǎng
🔄 derived demand	派生需求	pài shēng xū qiú
📈 marginal revenue product	边际收益产品	biān jì shōu yì chǎn pǐn
👑 monopsony	买方垄断	mǎi fāng lǒng duàn
📈 marginal factor cost	边际要素成本	biān jì yào sù chéng běn